

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030

I- MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Nhằm cụ thể hóa và tạo sự thống nhất trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, chương trình trọng tâm Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030.

- Chương trình hành động là khung định hướng đề ra những nhiệm vụ trọng tâm cho các cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả, nỗ lực phấn đấu cao nhất để góp phần quan trọng thực hiện thắng lợi các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I đã đề ra.

2. Yêu cầu

- Bám sát sự lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương Đảng, nội dung Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030 và căn cứ vào tình hình thực tế ở địa phương để cụ thể hóa thành các chương trình, đề án, nhiệm vụ sát với thực tế, nhằm khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực của tỉnh. Phân công rõ nhiệm vụ cho từng cơ quan, đơn vị, địa phương để tổ chức triển khai với lộ trình, thời gian hoàn thành cụ thể.

- Trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình hành động phải bám sát các chủ trương, nghị quyết của Trung ương và của tỉnh; đồng thời, phải thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm và bổ sung, cập nhật những chủ trương, nhiệm vụ mới để đáp ứng với yêu cầu, đòi hỏi của thực tiễn; đề cao tinh thần chủ động, quyết tâm, quyết liệt, đoàn kết, đổi mới, sáng tạo để tổ chức thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ đề ra.

II- CÁC MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

1. Mục tiêu chung

Xây dựng Đảng bộ và hệ thống chính trị tỉnh Bắc Ninh đoàn kết, trong sạch, vững mạnh; kinh tế - xã hội phát triển nhanh, toàn diện và bền vững; bảo đảm quốc

phòng, an ninh; không ngừng cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và môi trường sống của Nhân dân; tự tin cùng cả nước tiến mạnh trong kỷ nguyên phát triển mới của dân tộc; đưa Bắc Ninh trở thành thành phố trực thuộc Trung ương trước năm 2030 và đến năm 2045 là thành phố xanh, văn minh, mang đậm bản sắc văn hóa Kinh Bắc.

2. Chỉ tiêu cụ thể đến năm 2030

Bao gồm 26 chỉ tiêu cụ thể thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030 và 09 chỉ tiêu cụ thể thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng trong giai đoạn 2026 - 2030 (*chi tiết tại Phụ lục số 1 kèm theo*).

III- NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị

1.1. Nhiệm vụ trọng tâm

Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; tập trung hoàn thiện tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả; nâng cao chất lượng tổ chức đảng và đảng viên; củng cố và tăng cường lòng tin, sự gắn bó của Nhân dân với Đảng và hệ thống chính trị.

1.2. Các giải pháp thực hiện

1.2.1. Công tác chính trị, tư tưởng, đạo đức, công tác dân vận của Đảng

- Thực hiện nghiêm túc chuẩn mực đạo đức cách mạng, đạo đức công vụ của cán bộ, đảng viên trong giai đoạn mới.

- Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác học tập, nghiên cứu, quán triệt nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng; công tác thông tin tuyên truyền. Đổi mới nội dung, phương thức công tác tư tưởng theo hướng ứng dụng công nghệ số và truyền thông đa phương tiện.

- Chú trọng công tác nắm tình hình tư tưởng, dư luận xã hội; nâng cao chất lượng công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch; hoạt động báo chí, văn hóa, văn nghệ, khoa giáo, lịch sử Đảng; đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

- Thực hiện tốt công tác tổng kết thực tiễn, giáo dục lý luận chính trị; đổi mới nội dung, phương pháp bồi dưỡng, cập nhật kiến thức lý luận chính trị, quản lý nhà nước cho cán bộ, đảng viên, đặc biệt là cấp xã.

- Nâng cao hiệu quả công tác dân vận trong thực hiện các nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị. Tiếp tục đẩy mạnh phong trào thi đua “Dân vận khéo” trên các lĩnh vực.

- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, Nhà nước đối với công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo. Thực hiện nghiêm túc quy định của Đảng, pháp

luật của Nhà nước về dân chủ ở cơ sở và Quy chế phối hợp về công tác dân vận trong hệ thống chính trị; các quy định về tiếp xúc, đối thoại với Nhân dân.

1.2.2. Công tác tổ chức, xây dựng Đảng

- Tiếp tục hoàn thiện, sắp xếp mô hình tổ chức đảng trong các loại hình phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ và tình hình thực tiễn.

- Tập trung chỉ đạo khắc phục những yếu kém, trì trệ, tình trạng né tránh, đùn đẩy, sợ trách nhiệm. Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc khắc phục những hạn chế, yếu kém của các tổ chức đảng trực thuộc.

- Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ; đổi mới hình thức sinh hoạt Đảng phù hợp, tạo điều kiện cho đảng viên ở đảng bộ cơ sở, chi bộ có tính đặc thù hoặc trong hoàn cảnh đặc biệt, chi bộ đông đảng viên thực hiện việc sinh hoạt Đảng theo Điều lệ; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, hướng dẫn nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ định kỳ.

- Quan tâm phát triển đảng viên cả về số lượng và chất lượng; chú trọng kết nạp đảng viên trong đội ngũ công nhân, người lao động, học sinh, sinh viên, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, tôn giáo, đơn vị sự nghiệp và khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước.

- Tiếp tục thực hiện nghiêm quy định về công tác cán bộ: đào tạo, quy hoạch, bổ nhiệm, đánh giá, miễn nhiệm, từ chức, thẩm quyền, trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác cán bộ và quản lý cán bộ phù hợp với yêu cầu mới; chú trọng việc đánh giá cán bộ bảo đảm dân chủ, công khai, công tâm, khách quan, theo hướng xuyên suốt, liên tục, đa chiều, có tiêu chí và thông qua sản phẩm cụ thể.

- Nghiên cứu các giải pháp nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đặc biệt là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp và người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương ngang tầm nhiệm vụ; thực hiện quy hoạch gắn với đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sắp xếp và sàng lọc cán bộ.

- Triển khai nghiêm túc các quy định về bảo vệ chính trị nội bộ; tăng cường chỉ đạo công tác nắm tình hình chính trị nội bộ trong Đảng bộ tỉnh, đặc biệt ở những nơi còn tiềm ẩn nhiều vấn đề phức tạp. Thực hiện tốt chế độ, chính sách đối với cán bộ.

1.2.3. Công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng

- Tăng cường tuyên truyền, quán triệt, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ, nâng cao nhận thức, trách nhiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo và thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng.

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát của UBKT các cấp trong Đảng bộ tỉnh giai đoạn 2026-2030. Đẩy mạnh kiểm tra chuyên đề, kiểm tra tổ chức đảng, đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm; gắn công tác kiểm tra, giám sát với kiểm soát quyền lực và phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Xây dựng cơ chế giám sát hiệu quả, nâng cao hiệu quả kiểm tra, giám sát ngay từ chi bộ để phòng ngừa, phát hiện vi phạm từ sớm, từ xa.

- Chủ động nắm tình hình, giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo theo quy định; chỉ đạo, thực hiện kịp thời, triệt để các quyết định, kết luận sau kiểm tra, giám sát.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện, ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác kiểm tra, giám sát của Đảng.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ kiểm tra có bản lĩnh chính trị vững vàng, gương mẫu về phẩm chất đạo đức, tinh thông nghiệp vụ; tăng cường luân chuyển, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ kiểm tra của Đảng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

1.2.4. Công tác nội chính, cải cách tư pháp; phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực

- Chủ động nắm chắc tình hình, kịp thời lãnh đạo, chỉ đạo theo dõi, đôn đốc giải quyết các vấn đề phức tạp về an ninh trật tự, các vụ việc, vụ án tham nhũng, lãng phí, tiêu cực nghiêm trọng, dư luận xã hội quan tâm. Hằng năm, xây dựng kế hoạch lãnh đạo, chỉ đạo phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực đối với khu vực công và khu vực ngoài Nhà nước; tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện các kết luận kiểm tra, thanh tra kinh tế - xã hội, các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước.

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giáo dục liêm chính cho cán bộ, đảng viên; công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và bảo vệ người phát hiện, tố cáo, người đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; phát huy vai trò, trách nhiệm của Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực tỉnh.

- Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác cải cách tư pháp; thường xuyên lãnh đạo, chỉ đạo kiện toàn, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ tư pháp và hỗ trợ tư pháp đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới.

1.2.5. Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng và xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh toàn diện

- Tiếp tục đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với cải cách hành chính, chuyển đổi số trong Đảng. Nâng cao năng lực dự báo và chất lượng, hiệu quả ban hành, tổ chức thực hiện nghị quyết; đề cao vai trò nêu gương, trách nhiệm của các đồng chí cán bộ lãnh đạo, quản lý và cấp ủy viên các cấp trong chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ ở các lĩnh vực, địa phương.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động của chính quyền địa phương hai cấp bảo đảm tinh, gọn, mạnh, năng động, chuyên nghiệp, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có đủ trình độ, năng lực, tính chuyên nghiệp cao, đáp ứng tốt yêu cầu trong tình hình mới.

- Tổ chức thành công cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, đúng cơ cấu, thành phần, số lượng đại biểu theo quy định.

- Tiếp tục đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của Đoàn đại biểu Quốc hội, HĐND và đại biểu HĐND các cấp; tập trung nâng cao chất lượng hoạch định và thực thi chính sách; phát huy vai trò giám sát các hoạt động điều hành của chính quyền. Tăng cường phối hợp và nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát của Đảng và hoạt động giám sát của HĐND, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh, hoạt động giám sát, phản biện của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội.

- Nâng cao năng lực điều hành, quản lý của các cơ quan hành chính nhà nước. Đẩy mạnh xây dựng chính quyền điện tử tỉnh, cải cách hành chính; tăng cường công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình của chính quyền các cấp. Tiếp tục tiến hành sắp xếp tổ chức bộ máy gắn với nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập. Xây dựng cơ chế đánh giá năng lực, phân loại cán bộ, công chức, viên chức bảo đảm đánh giá đúng người, đúng việc, đúng vị trí việc làm dựa trên hiệu quả và chất lượng công việc. Tăng cường kiểm tra công vụ, chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính; xử lý nghiêm các tổ chức và cá nhân vi phạm chính sách, pháp luật của Nhà nước.

- Thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.

1.2.6. Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội

- Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương thức, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, các hội quần chúng theo hướng rõ mục tiêu, rõ nhiệm vụ, thiết thực, hiệu quả, hướng các hoạt động về cơ sở.

- Chỉ đạo nâng cao chất lượng, hiệu quả các cuộc vận động, các phong trào thi đua yêu nước trên các lĩnh vực; phối hợp thực hiện tốt an sinh xã hội, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho Nhân dân; tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

- Nâng cao năng lực, chất lượng hoạt động giám sát, phản biện xã hội, tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền; thực hiện tốt vai trò đại diện, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, hội viên và Nhân dân. Phát huy tốt vai trò trong thực hiện các nhiệm vụ chính trị, tham gia phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh ở địa phương.

2. Phát triển kinh tế, khoa học công nghệ, bảo vệ môi trường

2.1. Nhiệm vụ trọng tâm

Cơ cấu lại nền kinh tế, xác lập mô hình tăng trưởng trên tư duy và tầm nhìn đối với không gian phát triển mới. Tập trung xây dựng, hoàn thiện đồng bộ cơ chế, chính sách, kiên quyết tháo gỡ điểm nghẽn, xây dựng cơ chế, chính sách khơi thông các

nguồn lực, huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực theo mô hình mới để thúc đẩy phát triển toàn diện các lĩnh vực. Phát huy hiệu quả nguồn lực kinh tế nhà nước gắn với chú trọng phát triển kinh tế tư nhân nhanh, bền vững, hiệu quả; lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là động lực chính và là giải pháp đột phá quan trọng hàng đầu cho sự phát triển; nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế, trọng tâm là ngoại giao kinh tế. Giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường.

2.2. Các giải pháp thực hiện

2.2.1. Phát triển công nghiệp

- Tiếp tục đẩy mạnh quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá; nghiên cứu và thực hiện hiệu quả các giải pháp, cơ chế, chính sách phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp xanh, công nghiệp công nghệ số, công nghiệp dữ liệu, ưu tiên hình thành và phát triển các ngành công nghiệp nền tảng, công nghiệp chiến lược, công nghiệp mới nổi tập trung vào việc làm chủ công nghệ lõi, chế tạo sản phẩm công nghệ cao, nâng cao năng lực cạnh tranh; trọng tâm là 06 sản phẩm chiến lược như AI, Robot, mạng 5G, blockchain, thiết bị bay không người lái, phát triển các khu, cụm công nghiệp và các trung tâm đổi mới sáng tạo đưa Bắc Ninh trở thành một trung tâm sản xuất chất bán dẫn, công nghiệp hỗ trợ, trí tuệ nhân tạo của miền Bắc.

- Phát huy hiệu quả các động lực tăng trưởng truyền thống, thúc đẩy chuỗi liên kết, sản xuất, phát triển công nghiệp nội địa; đẩy mạnh chuyển đổi số - chuyển đổi xanh trong công nghiệp hướng tới phát triển bền vững; phát triển nguồn nhân lực cho công nghiệp; phát triển khu công nghiệp, cụm công nghiệp và tăng cường liên kết ngành, liên kết vùng cho phát triển công nghiệp. Chấm dứt tình trạng sản xuất gây ô nhiễm môi trường, sản xuất manh mún, nhỏ lẻ, tự phát, thiếu quy hoạch.

- Đẩy nhanh tiến độ thành lập, đầu tư hạ tầng các khu công nghiệp kết nối thuận lợi với các cảng biển Hải Phòng, Quảng Ninh, cửa khẩu phía Bắc và khu vực Tây Bắc gắn với các cảng thủy nội địa, ga đường sắt và các tuyến đường tốc độ cao. Chú trọng phát triển nhà ở xã hội, đặc biệt tại các khu vực gần khu, cụm công nghiệp nhằm đáp ứng nhu cầu chỗ ở cho công nhân, người lao động.

- Nghiên cứu phát triển một số mô hình khu, cụm công nghiệp đặc thù; thu hút theo hướng có chọn lọc các nhà đầu tư lớn, cam kết lâu dài, công nghệ hiện đại. Nghiên cứu cơ chế, chính sách đặc thù thu hút các chuyên gia, kỹ sư công nghệ cao.

- Thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 70-NQ/TW ngày 20/8/2025 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; ưu tiên đầu tư xây dựng hạ tầng điện lực, bảo đảm cung ứng đủ điện cho sản xuất.

- Chủ động rà soát, nắm bắt tình hình hoạt động của các doanh nghiệp để hỗ trợ, giải quyết những đề xuất, kiến nghị, tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy sản xuất.

2.2.2. Phát triển nông nghiệp, nông thôn

- Triển khai các giải pháp phát triển nông nghiệp, nông thôn theo chiều sâu, bền vững; phát huy lợi thế, vùng, miền, địa phương, tổ chức sản xuất, kinh doanh nông nghiệp theo chuỗi giá trị, dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, thương mại điện tử; chuyển mạnh tư duy từ sản xuất nông nghiệp sang phát triển kinh tế nông nghiệp gắn với nhu cầu thị trường. Khuyến khích phát triển nông nghiệp công nghệ cao tại các khu, vùng ven đô gắn với thị trường tiêu dùng đô thị và xuất khẩu. Thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực chế biến sâu trong nông nghiệp, nâng cao giá trị gia tăng, phát triển chuỗi giá trị bền vững.

- Phát triển nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp tuần hoàn... thực hiện tốt công tác quản lý, bảo vệ rừng, phát triển kinh tế rừng gắn với du lịch sinh thái, bảo vệ môi trường. Đa dạng các nguồn lực để xây dựng, duy tu, bảo dưỡng các công trình thủy lợi, đê điều, hồ đập kênh mương, tưới tiêu, công trình nước sạch phục vụ phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư cho xây dựng nông thôn mới toàn diện, bền vững, gắn với đô thị hóa; trong đó ưu tiên nguồn lực cho phát triển sản xuất, nâng cao đời sống dân cư nông thôn, quan tâm các xã đặc biệt khó khăn. Phát triển các khu dân cư nông thôn theo định hướng xanh, sinh thái, bền vững, có khả năng thích ứng cao với biến đổi khí hậu. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chương trình mỗi xã, phường một sản phẩm (OCOP). Tập trung hoàn thành mục tiêu xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao theo chỉ đạo của Trung ương.

2.2.3. Phát triển thương mại - dịch vụ

- Phát triển thương mại - dịch vụ theo hướng văn minh, hiện đại, đa dạng, đồng bộ và bền vững; hiện đại hoá hệ sinh thái các ngành dịch vụ, phát triển một số ngành, sản phẩm dịch vụ có lợi thế cạnh tranh và chất lượng cao.

- Nghiên cứu, triển khai các giải pháp đưa Bắc Ninh trở thành cứ điểm logistics lớn, đạt chuẩn quốc tế, hình thành khu thương mại tự do phi thuế quan thế hệ mới, là đầu mối vận chuyển hàng hóa hàng không, cửa ngõ, trung tâm tiếp vận, cung ứng, trung chuyển quốc tế, vận tải, kho bãi, vui chơi, giải trí, thể thao golf... của khu vực.

- Tăng cường thu hút nguồn lực phát triển hệ thống hạ tầng dịch vụ vận tải đa phương thức; hệ thống giao thông công cộng thông minh, giao thông xanh.

- Xây dựng chuỗi giá trị sản phẩm du lịch, trở thành điểm đến du lịch văn hóa - tâm linh - sinh thái đặc sắc của miền Bắc.

2.2.4. Nâng cao hiệu quả điều hành ngân sách nhà nước

- Chủ động rà soát các quy định, cơ chế, chính sách điều hành ngân sách nhà nước phù hợp với tình hình mới, bảo đảm chủ động, linh hoạt, kịp thời, hiệu quả, tạo nguồn tăng thu ngân sách nhà nước ổn định, vững chắc.

- Tăng cường quản lý, phát triển hệ thống tổ chức tín dụng an toàn, vững mạnh, minh bạch, đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học công nghệ, quản trị thông

minh để nâng cao năng lực, chất lượng, hiệu quả hoạt động, đáp ứng nhu cầu vốn tín dụng của nền kinh tế và phục vụ các chính sách an sinh xã hội, hỗ trợ mua nhà ở xã hội, giải quyết việc làm, thúc đẩy tăng trưởng xanh và phát triển bền vững.

2.2.5. Phát triển các thành phần kinh tế

- Thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 79-NQ/TW ngày 06/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế nhà nước; cùng với các Nghị quyết, kết luận của Trung ương về nguồn lực đất đai, tài nguyên khoáng sản, tài sản kết cấu hạ tầng, ngân sách nhà nước, doanh nghiệp nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập... Tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng; nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước đối với kinh tế nhà nước. Phát huy vai trò chủ đạo, tiên phong, định hướng của kinh tế nhà nước trên địa bàn tỉnh hỗ trợ các thành phần kinh tế khác cùng phát triển; đẩy mạnh quá trình phát triển nhanh, bền vững, bảo đảm quốc phòng, an ninh; thúc đẩy tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao đời sống người dân; góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu phát triển.

- Thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân. Đổi mới tư duy, thống nhất cao về nhận thức và hành động, khơi dậy niềm tin, khát vọng, tạo xung lực mới, khí thế mới để phát triển kinh tế tư nhân. Khuyến khích phát triển các loại hình kinh tế tư nhân; xây dựng đội ngũ doanh nghiệp, doanh nhân cả về số lượng và chất lượng.

Đẩy mạnh hoạt động khởi nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi để các thành phần kinh tế phát triển. Tăng cường kết nối giữa các doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp tư nhân với doanh nghiệp Nhà nước và doanh nghiệp FDI. Hỗ trợ thực chất, hiệu quả doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ và hộ kinh doanh. Đề cao đạo đức kinh doanh, phát huy trách nhiệm xã hội, thúc đẩy mạnh mẽ tinh thần kinh doanh.

- Cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh; tạo điều kiện thuận lợi và bình đẳng cho các doanh nghiệp tư nhân trong nước trong tiếp cận vốn, đất đai, các chính sách ưu đãi và nguồn lực khác; phát triển kinh tế tư nhân trở thành lực lượng tiên phong thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; nghiên cứu cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển khu vực doanh nghiệp nhỏ và vừa, kinh tế tập thể, hợp tác xã. Triển khai các giải pháp duy trì thứ hạng chỉ số PCI trong nhóm các tỉnh, thành phố đứng đầu cả nước.

- Đẩy mạnh thu hút vốn FDI gắn với hoạt động chuyển giao công nghệ cao, tạo điều kiện phát triển doanh nghiệp trong nước, nâng cao sức cạnh tranh của doanh nghiệp nhỏ và vừa. Tạo điều kiện thuận lợi, hỗ trợ doanh nghiệp của tỉnh thâm nhập, mở rộng, đa dạng hóa thị trường trong và ngoài nước.

2.2.6. Nâng cao hiệu quả công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường

- Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tiết kiệm, hợp lý, có hiệu quả và bền vững tài nguyên đất, tài nguyên khoáng sản; xử lý lấn chiếm, đất giao, bán trái thẩm quyền và đất dân cư dịch vụ. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin

trong công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực tài nguyên khoáng sản, đất đai, nhà ở, bất động sản... Hoàn thiện dữ liệu bản đồ quy hoạch đất đai trên địa bàn tỉnh.

- Chủ động nghiên cứu, sửa đổi và ban hành các cơ chế đất đai có tính chất đặc thù song vẫn đúng với quy định của Luật Đất đai 2024 (có hiệu lực từ 01/01/2026), trong đó cần tập trung vào giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng và định giá đất sát giá thị trường, thu hồi đất và tháo gỡ cơ bản các điểm nghẽn về đất đai và quy hoạch, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án, minh bạch thủ tục và thu hút đầu tư, bao gồm việc quy định chi tiết về đấu giá, bồi thường và xử lý đất xen kẹt. Xây dựng và ban hành các chính sách đặc thù về bồi thường, giải phóng mặt bằng, đảm bảo quyền lợi người dân và tạo sinh kế bền vững tại các dự án trọng điểm quốc gia, các dự án có quy mô lớn, có ý nghĩa quan trọng cho sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Bố trí quỹ đất phù hợp, dài hạn để triển khai xây dựng Cảng hàng không quốc tế Gia Bình, bảo đảm định hướng trở thành sân bay trung chuyển khu vực và quốc tế.

- Tập trung đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung đối với các đô thị chưa có hệ thống xử lý; đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường đối với các cụm công nghiệp hiện đã đi vào hoạt động; có cơ chế, chính sách hỗ trợ đầu tư các công trình xử lý môi trường khu vực nông thôn, làng nghề, hoàn thành việc di dời các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường theo lộ trình, kế hoạch. Xây dựng Đề án tổng thể bảo vệ môi trường tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2026-2030.

- Xây dựng kế hoạch chủ động phòng, tránh thiên tai, các giải pháp thích ứng, đối phó với những ảnh hưởng của biến đổi khí hậu; tập trung vào việc rà soát các khu vực nguy cơ cao (đặc biệt tại các khu vực ven sông, vùng cao), củng cố hạ tầng đê điều và sẵn sàng phương án "4 tại chỗ", cảnh báo sớm, rà soát di dời dân cư và đầu tư hạ tầng, nâng cao năng lực ứng phó. Nghiên cứu để có phương án bố trí hợp lý khu dân cư và hỗ trợ phát triển nhà ở cho người dân tại các địa bàn thường xuyên chịu tác động của thiên tai, bão lũ, sạt lở đất.

- Xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển các mô hình kinh tế tuần hoàn gắn liền với mục tiêu tăng trưởng xanh, phát triển bền vững và chuyển đổi số; sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, mô hình tái chế, tái sử dụng chất thải; cụ thể hóa trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất (EPR), ưu đãi tín dụng xanh và đơn giản hóa thủ tục đầu tư cho các dự án tái chế, tái sử dụng chất thải, nhằm giảm khai thác tài nguyên và ô nhiễm môi trường.

- Tăng cường năng lực, nâng cao nhận thức về phát triển thị trường các-bon; nghiên cứu để triển khai thí điểm cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong các ngành, lĩnh vực tiềm năng và thực hiện cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước và quốc tế phù hợp với quy định của pháp luật và điều ước quốc tế.

2.2.7. Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số

- Thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

quốc gia; chương trình hành động của Chính phủ, của Tỉnh uỷ và các văn bản chỉ đạo của Ban Chỉ đạo Trung ương, của Tỉnh.

- Tập trung rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật để tháo gỡ những điểm nghẽn, rào cản về cơ chế chính sách, tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho sự phát triển của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Xây dựng, sửa đổi, bổ sung quy hoạch, chiến lược, đề án và các kế hoạch cụ thể để phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh đồng bộ với Quy hoạch tỉnh. Định vị Bắc Ninh là thành phố mới, năng động, sáng tạo, ưu tiên đột phá về phát triển khoa học và công nghệ; là trung tâm việc làm công nghệ số, phát triển khu đô thị công nghiệp đại học gắn với các trung tâm nghiên cứu, ứng dụng và triển khai.

- Nghiên cứu, đề xuất các cơ chế, chính sách đặc thù, thực hiện các chính sách ưu đãi đầu tư; đơn giản hóa thủ tục hành chính, tạo thuận lợi tối đa cho người dân, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp. Tăng tỉ lệ chi ngân sách cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; xây dựng chương trình đầu tư công về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Thúc đẩy các hoạt động khởi nghiệp đổi mới, sáng tạo, phát triển và chuyển giao công nghệ. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong các cơ quan đảng; phong trào “Bình dân học vụ số”. Phát triển đồng bộ các cơ sở dữ liệu lớn bảo đảm kết nối liên thông, tích hợp, chia sẻ và khai thác phục vụ hiệu quả công tác quản lý nhà nước, tạo nền tảng phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

3. Phát triển kết cấu hạ tầng, thực hiện mục tiêu đưa Bắc Ninh trở thành thành phố trực thuộc Trung ương trước năm 2030

3.1. Nhiệm vụ trọng tâm

Tập trung rà soát, điều chỉnh, hoàn thiện Quy hoạch tỉnh, Quy hoạch chung đô thị, Chương trình phát triển đô thị tỉnh trên cơ sở kế thừa, liên thông trong định hướng phát triển, xứng tầm với đô thị của thành phố trực thuộc Trung ương, liên kết với các cực tăng trưởng trọng điểm của đất nước; hình thành các hành lang kinh tế để phát huy tối đa vai trò, tiềm năng lợi thế cấp vùng, các dự án trọng điểm của quốc gia trên địa bàn, bảo đảm phát triển bao trùm, hài hòa, bền vững giữa các khu vực, địa phương; đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các tiêu chí đô thị loại I và thành phố trực thuộc Trung ương trước năm 2030 và đến năm 2045 là thành phố xanh, văn minh, mang đậm bản sắc văn hoá Kinh Bắc.

3.2. Các giải pháp chủ yếu

- Rà soát, điều chỉnh đồng bộ, bài bản quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị, chương trình phát triển đô thị, quy hoạch nông thôn và các quy hoạch khác trên địa bàn tỉnh, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ; hình thành các cực, trung tâm kinh tế trọng điểm

tạo động lực tăng trưởng mới; tăng cường kết nối nội tỉnh và kết nối giữa tỉnh Bắc Ninh với Vùng thủ đô Hà Nội và các tỉnh lân cận.

- Thành lập và phát triển khu thương mại tự do phi thuế quan thế hệ mới có năng lực cạnh tranh khu vực và quốc tế gắn với Cảng hàng không quốc tế Gia Bình, khu logistics hàng không, khu kinh tế chuyên biệt, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu công nghệ số tập trung, các công trình thương mại - dịch vụ, giải trí và các không gian chuyên đề liên quan trong quá trình điều chỉnh Quy hoạch tỉnh và lập Quy hoạch chung đô thị của tỉnh.

- Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực cho đầu tư phát triển; xây dựng cơ chế, chính sách đột phá để huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực theo mô hình mới như "lãnh đạo công - quản trị tư", "đầu tư công - quản lý tư", "đầu tư tư - sử dụng công" và các hình thức hợp tác công - tư khác...

- Rà soát, xây dựng Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030, trong đó, tập trung đầu tư các công trình, dự án trọng tâm, trọng điểm vào các lĩnh vực then chốt như giao thông, đô thị, công nghiệp, khoa học công nghệ, giáo dục, y tế... theo định hướng lớn của tỉnh đáp ứng tiêu chí đô thị loại I và trở thành thành phố trực thuộc Trung ương trước năm 2030.

- Tập trung đầu tư, phối hợp đầu tư hoàn thành, đưa vào sử dụng các công trình trọng điểm quốc gia trên địa bàn, như: Cảng hàng không quốc tế Gia Bình, đường Vành đai 4, Vành đai 5, đường kết nối Cảng hàng không quốc tế Gia Bình với Thủ đô Hà Nội, với trung tâm hành chính - chính trị tỉnh, đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng, đường sắt tốc độ cao Hà Nội - Quảng Ninh, đường sắt đô thị, chỉnh trị một số tuyến đường thủy nội địa... hình thành các hạ tầng giao thông khung đô thị để kết nối và hình thành các vùng động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội các vùng, địa bàn.

- Tăng cường thu hút đầu tư từ khu vực kinh tế tư nhân vào phát triển các công trình, dự án giao thông, đô thị trọng điểm, quy mô lớn, các công trình có tính "biểu tượng" góp phần định vị hình ảnh của "thành phố Bắc Ninh" trực thuộc Trung ương.

- Xây dựng, hoàn thiện, phát triển đồng bộ, hiện đại hạ tầng số, hạ tầng đô thị thông minh, đô thị xanh phục vụ phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số. Thí điểm để đánh giá, làm cơ sở mở rộng, phát triển mạnh mẽ mô hình kinh tế không gian tầm thấp tại Bắc Ninh.

- Rà soát, nghiên cứu sửa đổi, bổ sung hoàn thiện cơ chế, chính sách, quy định, giải pháp đột phá thúc đẩy phát triển đô thị và kinh tế đô thị; thị trường bất động sản.

- Đẩy mạnh việc xây dựng nhà ở xã hội, theo mục tiêu Thủ tướng Chính phủ giao giai đoạn 2026-2030 hoàn thành 120.000 căn hộ nhà ở xã hội trên địa bàn.

4. Phát triển văn hóa, xã hội, con người

4.1. Nhiệm vụ trọng tâm

Phát triển văn hóa thực sự trở thành nền tảng vững chắc và sức mạnh nội sinh của dân tộc gắn kết chặt chẽ, phát triển mạnh mẽ, toàn diện giá trị văn hóa, con người Bắc Ninh hướng đến những giá trị “chân - thiện - mỹ”, thấm nhuần tinh thần dân tộc, bản sắc quê hương, trở thành một động lực quan trọng, sức mạnh nội sinh thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh bền vững; bảo đảm các quyền lợi về y tế, văn hóa, giáo dục và an sinh xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho Nhân dân các dân tộc trên địa bàn tỉnh.

4.2. Các giải pháp chủ yếu:

4.2.1. Phát triển văn hóa

- Thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 80-NQ/TW ngày 07/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển văn hoá Việt Nam; khai thác lợi thế đặc thù là "miền di sản" để phát triển mạnh mẽ văn hóa song song với công nghiệp, hướng tới sự thịnh vượng kinh tế và đặc sắc văn hóa Bắc Ninh - Kinh Bắc.

- Nghiên cứu, triển khai đồng bộ các giải pháp đẩy mạnh phát triển “*công nghiệp văn hóa*” gắn với chiến lược ngoại giao văn hóa, quảng bá hình ảnh của tỉnh, xây dựng mối quan hệ liên tỉnh hợp tác và xác định sản phẩm chủ lực, xây dựng thương hiệu, đặc biệt là điểm nhấn về dân ca Quan họ, làng nghề truyền thống, lễ hội dân gian, tài nguyên văn hóa đặc sắc của đồng bào các dân tộc.

- Xây dựng Đề án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích; chuyển hóa di sản thành động lực kinh tế bền vững, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, nâng cao chất lượng nhân lực và lan tỏa cốt cách con người vùng Kinh Bắc.

- Đẩy mạnh xã hội hóa thể dục thể thao, phát triển thể thao thành tích cao; các môn Olympic, môn thể mạnh, các loại hình kinh tế thể thao, kết hợp dịch vụ du lịch, vui chơi giải trí, nghỉ dưỡng, sân golf...

- Nâng cao chất lượng công tác báo chí, xuất bản, phát thanh, truyền hình.

4.2.2. Phát triển giáo dục - đào tạo

- Thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo, coi đây là trụ cột then chốt để phát triển nhanh, bền vững. Hiện đại hoá, nâng cao toàn diện chất lượng giáo dục, đào tạo, ưu tiên nguồn lực, thể chế và chuyên đổi số, gắn đào tạo với nhu cầu nhân lực số và công nghiệp công nghệ cao của tỉnh.

- Rà soát, sắp xếp, quy hoạch mạng lưới các cơ sở giáo dục bảo đảm phù hợp tình hình thực tế; tăng cường đầu tư cơ sở vật chất trường học các cấp chuẩn hóa, hiện đại. củng cố, nâng cao chất lượng giáo dục đại trà và mũi nhọn các cấp; tăng cường việc dạy và học ngoại ngữ trên địa bàn; phấn đấu xây dựng nền giáo dục tiên tiến, hiện đại ngang tầm với khu vực và thế giới.

- Phát triển đội ngũ giáo viên đủ về số lượng và cơ cấu, đồng đều về chất lượng giữa các vùng, khu vực.

- Nghiên cứu, đề xuất đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong ngành giáo dục; phát triển và mở rộng ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong giáo dục và đào tạo; tăng cường đầu tư các phòng học thực hành, trải nghiệm STEM/STEAM.

- Rà soát, nghiên cứu, ban hành các chính sách ưu đãi để khuyến khích sự tham gia mạnh mẽ hơn nhằm thu hút, huy động các nguồn lực của doanh nghiệp, cộng đồng và các tổ chức xã hội vào công cuộc xã hội hoá phát triển hệ thống cơ sở giáo dục ngoài công lập các cấp trên địa bàn.

- Xây dựng cơ chế, chính sách ưu tiên khuyến khích, thu hút, phát triển các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, trường đại học đẳng cấp quốc tế, hình thành trung tâm nghiên cứu và chuyển giao... Xây dựng, triển khai Chương trình đào tạo nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới, trong đó đặc biệt ưu tiên nguồn lực, chính sách vượt trội để đào tạo, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng nhanh và đủ cả về số lượng và chất lượng, chú trọng đội ngũ cán bộ quản lý và nguồn nhân lực cho các ngành mũi nhọn về khoa học công nghệ, quản trị thông minh, khoa học cơ bản và các lĩnh vực ưu tiên, mới nổi như trí tuệ nhân tạo, chip bán dẫn, công nghệ số...

4.2.3. Xây dựng hệ thống y tế

- Thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân.

- Nâng cao năng lực, hiện đại hoá hệ thống y tế dự phòng, y tế cơ sở, phát huy thế mạnh y học cổ truyền; tăng cường giám sát dịch tễ, khống chế kịp thời, hiệu quả các dịch bệnh, bảo đảm mọi người dân được tiếp cận thuận lợi và sử dụng hiệu quả các dịch vụ chăm sóc sức khoẻ ban đầu.

- Triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khoẻ, dân số và phát triển. Nâng cao toàn diện chất lượng dân số, thích ứng với già hoá dân số.

- Triển khai cơ sở dữ liệu quốc gia về y tế, sổ sức khoẻ điện tử của người dân trên địa bàn tỉnh.

- Nghiên cứu và có lộ trình phát triển một số cơ sở khám chữa bệnh cấp tỉnh thành bệnh viện cấp chuyên sâu được giao chức năng vùng; quy hoạch để hình thành khu phức hợp y tế chuyên sâu trong tương lai. Tập trung đầu tư xây dựng, nâng cấp các cơ sở y tế theo hướng chuyên sâu, hiện đại, nâng cao tỉ lệ giường bệnh, bác sĩ. Từng bước rút ngắn khoảng cách chênh lệch về tiếp cận dịch vụ y tế giữa khu vực thành thị, nông thôn và miền núi.

- Triển khai y tế kỹ thuật cao, sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc, mỹ phẩm, vacxin, thiết bị y tế gắn với du lịch y tế.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động khám, chữa bệnh của các cơ sở y tế ngoài công lập, hoạt động sản xuất, kinh doanh dược, mỹ phẩm, thiết bị y tế, an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh.

4.2.4. Bảo đảm an sinh xã hội

- Tiếp tục thực hiện tốt các chính sách an sinh và phúc lợi xã hội; hiện đại hoá và nâng cao chất lượng công tác dự báo cung - cầu, quản lý lao động, tạo việc làm và giao dịch việc làm dựa trên nền tảng số, nâng cao thu nhập và chất lượng cuộc sống của người dân.

- Xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với các khu vực đặc biệt khó khăn, phấn đấu tỉ lệ hộ nghèo (*theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2026 - 2030*) duy trì mức giảm 1 - 1,5 điểm %/năm; trong đó đến năm 2027 trên địa bàn tỉnh không còn hộ nghèo (*theo tiêu chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025*).

- Tiếp tục nâng cao hệ thống trợ giúp xã hội. Huy động mọi nguồn lực để tiếp tục nâng cao đời sống cho đối tượng bảo trợ xã hội, ưu tiên hỗ trợ cho người đặc biệt yếu thế.

4.2.5. Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

- Huy động mọi nguồn lực đầu tư phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; tiếp tục nghiên cứu ban hành chính sách riêng của tỉnh để đầu tư, hỗ trợ, nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Tuyên truyền, vận động chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng thích ứng với biến đổi khí hậu, đẩy mạnh trồng rừng gỗ lớn, cây bản địa, tăng diện tích rừng kinh tế được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững theo tiêu chuẩn quốc tế (FSC); nghiên cứu chuyển rừng trồng sang rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, phát triển du lịch rừng... gắn với tạo sinh kế mới và nâng cao đời sống Nhân dân.

- Quy hoạch sắp xếp, di dời, bố trí 100% hộ dân đang cư trú phân tán, rải rác trong rừng đặc dụng, các khu vực xa xôi, hẻo lánh, nơi có nguy cơ xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở.

- Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh, phát triển bền vững kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

5. Công tác quốc phòng, an ninh, đối ngoại

5.1. Nhiệm vụ trọng tâm

Tiếp tục xây dựng lực lượng vũ trang tỉnh vững mạnh toàn diện, cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại; xây dựng tỉnh Bắc Ninh an ninh, an toàn, thân thiện và hội nhập; phát huy vai trò đối ngoại đối với phát triển kinh tế - xã hội.

5.2. Các giải pháp chủ yếu

- Quan tâm đầu tư ngân sách xây dựng thể trận quân sự trong khu vực phòng thủ tỉnh; đẩy mạnh công tác giáo dục chính trị tư tưởng, nâng cao chất lượng huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu, xây dựng chính quy, quản lý kỷ luật, bảo đảm tốt hậu cần - kỹ thuật; phát huy dân chủ, đoàn kết, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh. Thực hiện tốt chính sách đối với lực lượng vũ trang và hậu phương quân đội, chính sách nhà ở cho cán bộ, chiến sĩ quân đội và công an trên địa bàn tỉnh; quan tâm chăm lo bảo đảm cơ sở vật chất cho sinh hoạt, học tập, công tác và nâng cao đời sống tinh thần cho cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang tỉnh; đầu tư mở rộng trụ sở làm việc cơ quan Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh và các đơn vị trực thuộc; từng bước xây dựng lực lượng dân quân thường trực và trụ sở làm việc Ban chỉ huy quân sự cấp xã đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới.

- Hoàn thành việc đào tạo cao cấp lý luận chính trị và trình độ đại học ngành quân sự cơ sở cho Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã.

- Đẩy mạnh xây dựng lực lượng tự vệ, thành lập Ban chỉ huy quân sự trong các doanh nghiệp; xác định các nhà máy sẵn sàng sản xuất phục vụ quốc phòng khi có tình huống.

- Nhận diện sớm, chủ động dự báo đúng tình hình; tăng cường các giải pháp bảo vệ an ninh chế độ, an ninh kinh tế, an ninh tài chính, an ninh mạng, an ninh dữ liệu, an ninh năng lượng, an ninh nguồn nước, an ninh lương thực, an ninh thực phẩm; ngăn ngừa, đẩy lùi từ sớm các nhân tố gây mất ổn định chính trị từ bên trong.

- Tập trung triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp kéo giảm tội phạm; xây dựng xã, phường không ma túy trên địa bàn tỉnh.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về an ninh, trật tự. Tăng cường công tác đảm bảo trật tự an toàn giao thông, phòng cháy, chữa cháy; kiểm chế, kéo giảm tai nạn giao thông, cháy, nổ; xây dựng “Tỉnh an toàn giao thông”.

- Xây dựng lực lượng Công an tỉnh trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại theo hướng “tinh toàn diện, xã vững mạnh, bám cơ sở”. Tiếp tục quan tâm đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện, công cụ hỗ trợ cho lực lượng Công an.

- Huy động hiệu quả mọi nguồn lực xây dựng nền an ninh nhân dân, thể trận an ninh nhân dân vững mạnh, toàn diện, xuyên suốt, chặt chẽ và xây dựng lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở vững mạnh, rộng khắp, ngang tầm yêu cầu, nhiệm vụ.

- Thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới. Chú trọng quảng bá, xây dựng hình ảnh nhằm nâng cao, khẳng định vị thế, thương hiệu của địa phương; đẩy mạnh công tác ngoại giao kinh tế và các hình thức ngoại giao mới về khoa học công nghệ, văn hoá, công thương, huy động tối đa các nguồn lực phục vụ sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đi vào chiều sâu - thực chất. Tăng cường hợp tác, thúc đẩy phát triển với các tỉnh giáp ranh; thiết lập, mở rộng quan hệ hợp tác với một số địa phương của các nước trong khu vực và trên thế giới.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Thường vụ Tỉnh ủy

- Chỉ đạo việc phổ biến, quán triệt Chương trình hành động tới các cấp ủy Đảng, chỉ đạo xây dựng các chương trình, kế hoạch để cụ thể hóa, triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I, các khâu đột phá và những chương trình, nội dung trọng tâm cần ưu tiên tập trung lãnh đạo, chỉ đạo trong nhiệm kỳ (*có phụ lục gửi kèm*).

- Chỉ đạo các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy thực hiện nhiệm vụ theo dõi, kiểm tra, đôn đốc quá trình thực hiện tại các cấp ủy Đảng trực thuộc, cơ quan, sở, ban, ngành, đơn vị; chỉ đạo việc sơ kết thực hiện Chương trình giữa nhiệm kỳ và tổng kết thực hiện Chương trình vào cuối nhiệm kỳ gắn với báo cáo sơ kết, tổng kết thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I.

2. Đảng ủy HĐND tỉnh

Lãnh đạo HĐND tỉnh chỉ đạo cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình thông qua Nghị quyết của HĐND tỉnh; xây dựng kế hoạch và tổ chức việc triển khai thực hiện Chương trình hành động của chính quyền các cấp trên địa bàn.

3. Đảng ủy UBND tỉnh

- Lãnh đạo UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan, sở, ban, ngành xây dựng và bố trí kinh phí thực hiện các chương trình, đề án, kế hoạch bám sát nội dung Chương trình hành động để tổ chức triển khai, thực hiện.

- Cụ thể hóa nội dung Chương trình hành động thành nhiệm vụ trong Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hằng năm, giao các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện (*trong đó xác định rõ nội dung, cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp, thời gian thực hiện hoàn thành...*).

4. Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy

- Xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện Chương trình hành động. Nghiên cứu, tham mưu xây dựng các đề án, chuyên đề, chương trình, kế hoạch công tác cụ thể để cụ thể hóa mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Tham mưu giúp Tỉnh ủy theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các cấp ủy trực thuộc, các cơ quan, sở, ban, ngành, đơn vị, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh tổ chức thực hiện Chương trình; tổng hợp, nắm tình hình, tham mưu với Tỉnh ủy chỉ đạo, hướng dẫn, đánh giá sơ kết, rút kinh nghiệm kết quả thực hiện chương trình trong báo cáo hằng năm và tổng kết Chương trình vào cuối Nhiệm kỳ Đại hội.

- Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy chỉ đạo, định hướng các cơ quan thông tin đại chúng đẩy mạnh tuyên truyền nội dung Nghị quyết Đại hội và Chương trình hành động của Tỉnh ủy đến toàn thể cán bộ, đảng viên và Nhân dân trong tỉnh; kịp thời phản ánh, đưa tin về những cách làm hay, sáng tạo của các tập thể, cá nhân, cơ

quan, đơn vị, địa phương; đồng thời, phê phán thái độ thờ ơ, thiếu trách nhiệm trong tổ chức thực hiện; tạo sự thống nhất cao trong nhận thức và hành động, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra.

5. Đảng ủy MTTQ tỉnh

- Căn cứ nội dung chương trình, xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị.

- Lãnh đạo, chỉ đạo Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội, tăng cường giám sát hoạt động của các cấp chính quyền, của cán bộ, đảng viên các đơn vị liên quan trong quá trình tổ chức thực hiện; đẩy mạnh tuyên truyền, vận động, tập hợp các tầng lớp nhân dân, tích cực phát động và hưởng ứng các phong trào thi đua yêu nước, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu Nghị quyết Đại hội đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2025 - 2030 đề ra.

6. Các đảng ủy trực thuộc, các cơ quan, sở, ban, ngành tỉnh

Tổ chức nghiên cứu, quán triệt sâu rộng nội dung Chương trình hành động này; gắn việc thực hiện Chương trình hành động với thực hiện nghị quyết đại hội đảng bộ các cấp, các chương trình, đề án, nghị quyết chuyên đề và nhiệm vụ trọng tâm của từng ngành, địa phương; xây dựng Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV; đồng thời, cụ thể hóa vào chương trình, kế hoạch công tác hằng năm để tổ chức thực hiện ở địa phương, đơn vị mình.

Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy, người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương chịu trách nhiệm trước Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội và Chương trình hành động này ở địa phương, cơ quan, đơn vị mình.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng (để báo cáo),
- Đảng ủy Chính phủ (để báo cáo),
- Các Ban Đảng Trung ương (để báo cáo),
- Văn phòng Trung ương Đảng (để báo cáo),
- Thường trực Tỉnh ủy,
- Các cơ quan, sở, ban, ngành tỉnh,
- MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh,
- Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M TỈNH ỦY
BÍ THƯ**



Nguyễn Hồng Thái

PHỤ LỤC 1
Các chỉ tiêu chủ yếu thực hiện trong giai đoạn 2025-2030

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị chủ trì	Ghi chú
A	CHỈ TIÊU THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH LẦN THỨ I, NHIỆM KỲ 2025 - 2030		
I	VỀ KINH TẾ		
1	Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) bình quân giai đoạn 2026-2030 đạt 11-12%/năm	Sở Tài chính	
2	GRDP bình quân đầu người đạt 8.700 - 9.200 USD	Sở Tài chính	
3	Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội đạt 10%/năm	Sở Tài chính	
4	Tỉ lệ vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn so với GRDP đạt 35-40%	Sở Tài chính	
5	Hiệu quả sử dụng vốn đầu tư (ICOR) giai đoạn 2026 - 2030 đạt 3,0 - 3,5	Sở Tài chính	
6	Tỉ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GRDP đạt khoảng 45%	Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ	
7	Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu giai đoạn 2026 - 2030 đạt 1.090 tỷ USD	Sở Công Thương	
8	Giai đoạn 2026 -2030, thu ngân sách nhà nước đạt 375.700 tỷ đồng; chi ngân sách địa phương đạt 279.000 tỷ đồng.	Sở Tài chính, Thuế tỉnh	
9	Tỉ lệ đô thị hóa đạt 65%	Sở Xây dựng	
10	Tỉ lệ đất giao thông đô thị so với đất xây dựng đô thị đạt 25%	Sở Xây dựng	
II	VỀ XÃ HỘI		
11	Chỉ số phát triển con người (HDI) đạt 0,8	Sở Tài chính	
12	Tuổi thọ trung bình đạt 75,5 tuổi	Sở Y tế	
13	Thu nhập bình quân đầu người đạt 7,84 triệu đồng/tháng	Sở Tài chính	
14	Đến hết năm 2027, toàn tỉnh không còn hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
15	Tỉ lệ trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 đạt trên 55%	Sở Giáo dục và Đào tạo	
16	Số giường bệnh bình quân 10.000 dân đạt 40 giường; Số bác sĩ bình quân 10.000 dân đạt 19 người	Sở Y tế	
17	Tỉ lệ lao động đã qua đào tạo đạt 90%, trong đó: tỉ lệ lao động đã qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 42%. Lao động có kỹ năng công nghệ thông tin đạt 90%	Sở Nội vụ, Sở Giáo dục và Đào tạo	
III	VỀ MÔI TRƯỜNG		
18	Tỉ lệ người dân được sử dụng nước sạch đạt quy chuẩn là 96,4% (trong đó, đô thị đạt 100%, nông thôn đạt 93,8%)	Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường	
19	Tỉ lệ chất thải công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại, chất thải y tế được thu gom và xử lý theo quy định đạt 100%; Tỉ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý đạt 98,5%	Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Y tế, Ban quản lý các KCN tỉnh	

TT	Chi tiêu	Đơn vị chủ trì	Ghi chú
20	100% các khu, cụm công nghiệp trước khi đi vào hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung. Cơ bản không còn điểm, khu vực ô nhiễm môi trường gây bức xúc trong khu dân cư và cộng đồng, đặc biệt ở các làng nghề	Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ban quản lý các KCN tỉnh	
21	Tỉ lệ các cơ sở sản xuất kinh doanh đạt quy chuẩn về môi trường đạt trên 98%	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
22	Tỉ lệ che phủ rừng (không tính cây ăn quả) đạt 30,65%	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
IV	Về An ninh		
23	Có ít nhất 50% xã, phường không có ma túy.	Công an tỉnh	
V	Về công tác xây dựng đảng		
24	Hàng năm có trên 90% tổ chức cơ sở đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; trên 90% đảng viên được đánh giá, xếp loại từ hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên;	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	
25	Hàng năm, trên 85% số cơ quan, chính quyền cơ sở hoàn thành tốt và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; trên 85% tổ chức cơ sở của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội hoàn thành tốt nhiệm vụ; riêng tổ chức công đoàn có trên 70% hoàn thành tốt nhiệm vụ	Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Sở Nội vụ, Mặt trận Tổ quốc tỉnh	
26	Tỉ lệ kết nạp đảng viên mới hàng năm trong giai đoạn 2025 - 2030 đạt từ 3% tổng số đảng viên trở lên	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	
B	CHỈ TIÊU THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ XIV CỦA ĐẢNG TRONG GIAI ĐOẠN 2026-2030		
1	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội bình quân 5 năm giai đoạn 2026 - 2030 khoảng 47% GRDP	Sở Tài chính	
2	Tỉ lệ huy động vào ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030 đạt 35% GRDP	Sở Tài chính	
3	Đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng đạt trên 55%	Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ	
4	Phấn đấu đạt mức tiết kiệm năng lượng từ 8,0-10,0% tổng tiêu thụ năng lượng toàn tỉnh so với kịch bản phát triển bình thường	Sở Công Thương	
5	Tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh đạt khoảng 75,5 tuổi; trong đó thời gian sống khỏe mạnh đạt tối thiểu 68 năm	Sở Y tế	
6	Tỉ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2026 - 2030) duy trì mức giảm 1 - 1,5 điểm %/năm	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
7	Tỉ lệ người dân được hưởng chính sách khám sức khỏe hằng năm đạt 100%	Sở Y tế	
8	Tỉ lệ bao phủ bảo hiểm y tế: Đạt bao phủ bảo hiểm y tế toàn dân	Sở Y tế, Bảo Hiểm xã hội tỉnh	
9	Tỉ lệ xử lý và tái sử dụng nước thải ra môi trường lưu vực các sông đạt 65 - 70%	Sở Nông nghiệp và Môi trường	

PHỤ LỤC 2

Danh mục các chương trình, đề án, nghị quyết chuyên đề trọng tâm thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030

TT	Nội dung	Cơ quan ban hành	Cơ quan chủ trì tham mưu	Thời gian ban hành	Ghi chú
I	Công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị				
*	Công tác xây dựng Đảng				
1	Chương trình: Nâng cao chất lượng tổ chức đảng và đảng viên	Tỉnh ủy	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	Quý IV/2025	
2	Đề án “Nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ, góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng trong thực hiện nhiệm vụ chính trị ở địa phương, cơ quan, đơn vị”	Tỉnh ủy	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	Quý IV/2025	
3	Nghị quyết về nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, nhất là cấp cơ sở	Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	Quý II/2026	Bổ sung mới
4	Nghị quyết về đổi mới, nâng cao chất lượng công tác tuyên giáo, dân vận của Đảng bộ tỉnh trong tình hình mới	Tỉnh ủy	Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy	Quý I/2026	
5	Đề án “Xây dựng và nhân rộng các mô hình, điển hình tiêu biểu trong học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh giai đoạn 2026 - 2030”	Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy	Quý IV/2025	
6	Đề án “Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát của UBKT các cấp trong Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2026-2030”	Ban Thường vụ Tỉnh ủy	UBKT Tỉnh ủy	Quý I/2026	
*	Công tác xây dựng chính quyền				
7	Đề án “Đổi mới và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của HĐND các cấp”	Tỉnh ủy	Đảng ủy HĐND tỉnh	Quý II/2026	

TT	Nội dung	Cơ quan ban hành	Cơ quan chủ trì tham mưu	Thời gian ban hành	Ghi chú
8	Chương trình cải cách hành chính nhà nước tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2026 - 2030	Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Đảng ủy UBND tỉnh	Quý I/2026	
*	Hoạt động của MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội				
9	Đề án “Nâng cao chất lượng hoạt động của MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2026-2030”	Tỉnh ủy	Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc tỉnh	Quý II/2026	
10	Đề án “Tập hợp công nhân lao động và phát triển đoàn viên, hội viên, các tổ chức chính trị - xã hội tại các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh, giai đoạn 2026 - 2030”	Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc tỉnh	Quý II/2026	
II	Lĩnh vực kinh tế				
11	Chương trình phát triển kinh tế tư nhân	Tỉnh ủy	Đảng ủy UBND tỉnh	Quý I/2026	
12	Chương trình hành động về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 ¹	Tỉnh ủy	Đảng ủy UBND tỉnh	Tháng 6/2026 ²	Điều chỉnh tên và thời gian
13	Chương trình: Xây dựng tỉnh Bắc Ninh trở thành thành phố trực thuộc Trung ương trước năm 2030	Tỉnh ủy	Đảng ủy UBND tỉnh	Quý II/2026	
14	Đề án thành lập Thành phố Bắc Ninh trực thuộc Trung ương và thành lập các phường thuộc Thành phố Bắc Ninh	Tỉnh ủy	Đảng ủy UBND tỉnh	Quý IV/2028	
15	Đề án thành lập các Phường thuộc tỉnh Bắc Ninh	Tỉnh ủy	Đảng ủy UBND tỉnh	Quý IV/2026	Bổ sung mới
16	Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Tỉnh ủy	Đảng ủy UBND tỉnh	Quý III/2026 ³	Thay đổi thời gian

¹ Theo Chương trình số 01-CTr/TU tên là “Chương trình: Phát triển nông nghiệp, nông thôn”;

² Theo Chương trình số 01-CTr/TU thời gian hoàn thành là Quý II/2026;

³ Theo Chương trình số 01-CTr/TU thời gian hoàn thành là Quý I/2026;

TT	Nội dung	Cơ quan ban hành	Cơ quan chủ trì tham mưu	Thời gian ban hành	Ghi chú
17	Đề án Quy hoạch chung đô thị Bắc Ninh đến năm 2050, tầm nhìn đến năm 2075	Tỉnh ủy	Đảng ủy UBND tỉnh	Quý I/2027 ⁴	Thay đổi thời gian
18	Chương trình phát triển đô thị Bắc Ninh	UBND tỉnh	UBND tỉnh	Quý I/2027 ⁵	
19	Đề án phân loại đô thị tỉnh Bắc Ninh	Bộ Xây dựng	Đảng ủy UBND tỉnh	Quý II/2028	Bổ sung mới
20	Đề án tổng thể bảo vệ môi trường tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2026-2030	Tỉnh ủy	Đảng ủy UBND tỉnh	Quý II/2026 ⁶	Thay đổi thời gian
21	Chương trình: Đột phá về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Tỉnh ủy	Đảng ủy UBND tỉnh	Quý I/2026	
22	Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 79-NQ/TW ngày 06/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế nhà nước	Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Đảng ủy UBND tỉnh	Quý I/2026	Bổ sung mới
III	Lĩnh vực văn hóa - xã hội				
23	Nghị quyết về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Bắc Ninh đến năm 2030, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững	Tỉnh ủy	Đảng ủy UBND tỉnh	Quý II/2026	Thay đổi thời gian
24	Đề án tổng thể phát triển du lịch tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2026-2030	Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Đảng ủy UBND tỉnh	Quý II/2026	
25	Chương trình: Phát triển vùng dân tộc thiểu số và miền núi	Tỉnh ủy	Đảng ủy UBND tỉnh	Quý I/2026	
26	Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo	Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Đảng ủy UBND tỉnh	Quý IV/2025	
27	Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân	Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Đảng ủy UBND tỉnh	Quý IV/2025	

⁴ Theo Chương trình số 01-CTr/TU thời gian hoàn thành là Quý II/2026;

⁵ Theo Chương trình số 01-CTr/TU thời gian hoàn thành là Quý II/2026;

⁶ Theo Chương trình số 01-CTr/TU thời gian hoàn thành là Quý I/2026;

TT	Nội dung	Cơ quan ban hành	Cơ quan chủ trì tham mưu	Thời gian ban hành	Ghi chú
28	Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 80-NQ/TW ngày 07/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển Văn hoá Việt Nam	Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Đảng ủy UBND tỉnh	Quý I/2026	Bổ sung mới
IV	Công tác quốc phòng, an ninh, đối ngoại				
29	Chương trình: Xây dựng tỉnh Bắc Ninh an toàn, thân thiện, hội nhập	Tỉnh ủy	Đảng ủy UBND tỉnh	Quý I/2026	
30	Nghị quyết về nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chi huy quản sự cấp xã, xây dựng lực lượng dân quân thường trực và lực lượng tự vệ trong các doanh nghiệp	Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Đảng ủy Quân sự tỉnh	Quý II/2026	
31	Đề án nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động đối ngoại tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2026-2030	Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Đảng ủy UBND tỉnh	Quý I/2026	

PHỤ LỤC 3

Danh mục các Dự án ưu tiên triển khai đầu tư trong nhiệm kỳ 2025 - 2030⁷

TT	Công trình/Dự án	Nguồn vốn	Dự kiến tổng mức đầu tư (ĐVT: Tỷ đồng)	Thời hạn (Bắt đầu - Kết thúc)	Ghi chú
I	Dự án sử dụng vốn đầu tư công		85.411		
1	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường tỉnh 293, đoạn từ thành phố Bắc Giang đến tuyến nhánh vào chùa Vĩnh Nghiêm, tỉnh Bắc Giang (nay là tỉnh Bắc Ninh)	Ngân sách nhà nước	1.800	2025-2028	
2	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường tỉnh 293, đoạn qua Tân An (Km7+400-;- Km8+400) và đoạn từ Ngã 3 vào chùa Vĩnh Nghiêm (Km13+300) đến ngã 3 Khảm Lạng, tỉnh Bắc Ninh	Ngân sách nhà nước	3.600	2026-2029	
3	Cầu vượt tuyến đường sắt Hà Nội - Đồng Đăng kết nối đường H1 với đường Lê Thái Tô	Ngân sách nhà nước	2.983	2026 - 2030	
4	Dự án thành phần 7: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thuộc địa phận tỉnh Bắc Ninh thuộc Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng	Ngân sách nhà nước	1.066	2025 - 2027	
5	Xây dựng đường dẫn và Cầu Kim Chân (từ ĐT.398 đi ĐT.285B)	Ngân sách nhà nước	6.334	2026-2030	
6	Tuyến vành đai 2 TPBG (QL.31 - vòng xuyên giao với đường Võ Nguyên Giáp)	Ngân sách nhà nước	5.560	2026-2030	
7	Xây dựng mới ĐT.296B đoạn từ ĐT.398 kết nối ĐT.285B	Ngân sách nhà nước	1.585	2027-2030	
8	Cầu vượt đường cao tốc Hà Nội - Lạng Sơn (Km127+500) và đường nối Khu công nghiệp Quang Châu với đường tỉnh 298B, tỉnh Bắc Ninh	Ngân sách nhà nước	2.046	2025-2029	
9	Tuyến đường tỉnh 398 từ nút giao với ĐT.299 đến QL.31	Ngân sách nhà nước	7.557	2026-2030	
10	Nâng cấp, mở rộng tuyến ĐT.398 đoạn từ Cầu Xuân Cẩm đến ĐT.295B, tỉnh Bắc Giang (nay là tỉnh Bắc Ninh)	Ngân sách nhà nước	5.500	2026-2030	

⁷ Theo Chương trình hành động số 13-CTr/TU ngày 16/01/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện mục tiêu tăng trưởng “2 con số” giai đoạn 2026-2030 và có cập nhật bổ sung.

TT	Công trình/Dự án	Nguồn vốn	Dự kiến tổng mức đầu tư (ĐVT: Tỷ đồng)	Thời hạn (Bắt đầu - Kết thúc)	Ghi chú
11	Đường Vành Đai 4 đoạn qua địa phận tỉnh Bắc Ninh (dự án quan trọng quốc gia)	Ngân sách nhà nước	5.947	2026-2030	
12	Dự án ĐTXD cầu Kênh Vàng và đường dẫn hai đầu cầu kết nối hai tỉnh Bắc Ninh và Hải Dương cũ (nay là Hải Phòng mới) (dự án kết nối, liên vùng)	Ngân sách nhà nước	2.183	2026-2030	
13	Dự án đầu tư tuyến đường Vành đai 5 - Vùng thủ đô Hà Nội đoạn qua địa phận tỉnh Bắc Ninh (đoạn giáp ranh tỉnh Thái Nguyên đến cao tốc Hà Nội - Lạng Sơn)	Ngân sách nhà nước	22.490	2026-2031	
14	Đường Vành đai 5 - Vùng thủ đô Hà Nội đoạn qua địa phận tỉnh Bắc Ninh (Đoạn từ Thành phố Hải Phòng đến cao tốc Hà Nội - Lạng Sơn)	Ngân sách nhà nước	14.825	2026-2030	
15	Dự án đầu tư xây dựng cầu Vân Hà, kết nối Phường Vân Hà với phường Kinh Bắc, tỉnh Bắc Ninh	Ngân sách nhà nước	419,8	2025 - 2027	
16	Xử lý khẩn cấp sạt lở bờ, bãi sông đoạn từ K48+800+K49+300, K49+840+K50 100 đê hữu Cầu, phường Kinh Bắc, tỉnh Bắc Ninh	Ngân sách nhà nước	345	2026-2030	
17	Xử lý khẩn cấp sự cố sạt lở mái bờ kênh sông Ngũ Huyện Khê các xã: Tiên Du, Tam Đa, Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh	Ngân sách nhà nước	320	2026-2030	
18	Xây dựng khẩn cấp trạm bơm Đức Mại, xã Mỹ Thái, tỉnh Bắc Ninh	Ngân sách nhà nước	500	2026-2030	
19	Xử lý khẩn cấp sự cố sạt trượt, thâm lậu, sùi mòn thân, nền đê và cải tạo, nâng cấp đê tả Cầu đoạn K0-K10 xã Hợp Thịnh, tỉnh Bắc Ninh	Ngân sách nhà nước	350	2026-2030	
II	Dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP)		268.159		
1	Dự án đầu tư xây dựng Cảng hàng không quốc tế Gia Bình	Vốn của nhà đầu tư và các nguồn vốn hợp pháp khác	196.378	GD1: 2025-2030 GD2: 2030-2050	
2	Dự án xây dựng tuyến đường kết nối Cảng hàng không quốc tế Gia Bình với Thủ đô Hà Nội (đoạn qua địa bàn tỉnh Bắc Ninh) theo phương thức đối tác công tư (PPP), loại hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (BT), thanh toán bằng quỹ đất	Vốn của nhà đầu tư và các nguồn vốn hợp pháp khác	50.254	2026-2027	

TT	Công trình/Dự án	Nguồn vốn	Dự kiến tổng mức đầu tư (ĐVT: Tỷ đồng)	Thời hạn (Bắt đầu - Kết thúc)	Ghi chú
3	Dự án đầu tư xây dựng đường kết nối trục tiếp Cảng hàng không quốc tế Gia Bình theo phương thức đối tác công tư (PPP), loại hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (BT), thanh toán bằng quỹ đất	Vốn của nhà đầu tư và các nguồn vốn hợp pháp khác	4.098	2026-2027	
4	Dự án tái định cư phục vụ Cảng quốc tế hàng không Gia Bình theo phương thức đối tác công tư (PPP), loại hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (BT), thanh toán bằng quỹ đất	Vốn của nhà đầu tư và các nguồn vốn hợp pháp khác	12.243	2025-2026	
5	Dự án đầu tư xây dựng các công trình phục vụ giải phóng mặt bằng Cảng hàng không quốc tế Gia Bình theo phương thức đối tác công tư (PPP), loại hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (BT), thanh toán bằng quỹ đất	Vốn của nhà đầu tư và các nguồn vốn hợp pháp khác	5.186	2025-2026	
6	Khu thương mại tự do thế hệ mới (FTZ) gắn với Cảng hàng không quốc tế Gia Bình	Vốn của nhà đầu tư và các nguồn vốn hợp pháp khác		2025-2026	
III	Dự án sử dụng vốn ngoài ngân sách		635.412		
1	Đầu tư xây dựng khu đô thị mới, du lịch, sinh thái, văn hóa, nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí trên địa bàn TP Từ Sơn cũ (Tiểu khu 112.3), tỉnh Bắc Ninh		11.171	2025-2032	
2	Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị mới phía Tây Bắc TP Bắc Ninh cũ (Khu 1)		41.271	2025-2032	
3	Đầu tư xây dựng khu đô thị mới, du lịch, sinh thái, văn hóa, nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí trên địa bàn huyện Tiên Du cũ (Tiểu khu 112.1).		19.714	2025-2032	
4	Khu đô thị mới sinh thái, nghỉ dưỡng và dịch vụ giải trí tại xã Liên Bảo, xã Hoàn Sơn, huyện Tiên Du cũ.		13.680	2025-2032	
5	Khu đô thị sinh thái và nghỉ dưỡng thuộc quy hoạch phân khu đô thị, du lịch sinh thái thể thao Khuôn Thân (phân khu A)		7.467	2025-2032	
6	Khu đô thị sinh thái và nghỉ dưỡng thuộc quy hoạch phân khu đô thị, du lịch sinh thái thể thao Khuôn Thân (phân khu C)		13.458	2026-2035	
7	Khu đô thị sinh thái và thể dục thể thao thuộc quy hoạch phân khu đô thị, du lịch sinh thái thể thao Khuôn Thân (phân khu B)		8.540	2025-2033	
8	Khu đô thị hỗn hợp và chợ quốc tế Bắc Giang		30.656	2026-2032	
9	Đầu tư xây dựng hạ tầng Khu Công nghệ thông tin tập trung tỉnh Bắc Ninh		10.766	2025-2034	

TT	Công trình/Dự án	Nguồn vốn	Dự kiến tổng mức đầu tư (ĐVT: Tỷ đồng)	Thời hạn (Bắt đầu - Kết thúc)	Ghi chú
10	Cảng cạn Đồng Sơn		1.151	GD1: Quý I/2029 GD2: Quý I/2035	
11	Cảng Cạn Sen Hồ		699	Giai đoạn I: 2025-2027	
12	Đầu tư xây dựng Cảng cạn Châu Phong		5.740	2025-2032	
13	Cụm Cảng Trung Kênh với quy mô dự kiến khoảng 150 ha		5.000	Từ năm 2026	
14	Dự án đầu tư xây dựng cảng thủy nội địa Đại Lai		4.780	Từ năm 2026	
15	Dự án đầu tư xây dựng cảng thủy nội địa Yên Hà		1.134	Từ năm 2026	
16	Hoàn thành chỉ tiêu về phát triển nhà ở xã hội theo Đề án "Đầu tư xây dựng ít nhất 01 triệu căn hộ nhà ở xã hội cho đối tượng thu nhập thấp, công nhân khu công nghiệp gđ 2021-2030" được Thủ tướng Chính phủ		166.702	2026 - 2030	
17	Công ty TNHH Luxshare-ICT (Bắc Ninh)		7.800	Quý IV/2025 - Quý II/2027	
18	Nhà máy sản xuất các sản phẩm điện tử Yili Việt Nam		7.020	Quý IV/2025 - Quý IV/2026	
19	Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Yên Lư		2.692	2026-2028	
20	Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Đồng Phúc		3.731	2026-2028	
21	Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Song Mai - Nghĩa Trung		2.806	2026-2028	
22	Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Hoà Yên		3.745	2026-2028	
23	Dự án ĐT phát triển kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Quế Võ II- Giai đoạn 2		2.992	2026-2028	
24	Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Quế Võ III - Phần khu 2		2.779	2026-2028	
25	Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Thuận Thành III - Phần khu C		1.986	2026-2028	

TT	Công trình/Dự án	Nguồn vốn	Dự kiến tổng mức đầu tư (ĐVT: Tỷ đồng)	Thời hạn (Bắt đầu - Kết thúc)	Ghi chú
26	Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Quế Võ mở rộng 2		1.878	2026-2028	
27	Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp An Việt - Quế Võ 6		600	2026-2028	
28	Dự án nhà máy Samsung Display Việt Nam		186.966	2026-2029	
29	Dự án nhà máy sản xuất, lắp ráp và thử nghiệm vật liệu, thiết bị bán dẫn		37.582	2026-2030	
30	Dự án nhà máy sản xuất Hana Micron vina		15.506	2026-2030	
31	Dự án nhà máy công nghệ chính xác Fulian		15.400	2026-2030	